**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI HỌC KÌ 1 – MÔN: HÓA HỌC 12**

1. Chất nào sau đây thuộc loại este đơn, no, mạch hở?
   1. CH3COOC6H5.
   2. HCOOCH2CH3.
   3. (C17H35COO)3C3H5.
   4. CH2=CHCOOCH3.
2. [2022] Số este có cùng công thức phân tử C3H6O2 là
   1. 2.
   2. 3.
   3. 4.
   4. 5.
3. Số đồng phân cấu tạo este có cùng công thức phân tử C5H10O2 nhưng **không** tham gia phản ứng tráng bạc là
   1. 3.
   2. 4.
   3. 5.
   4. 6.
4. [2020] Tên gọi của este CH3COOC2H5 là
   1. metyl axetat.
   2. etyl axetat.
   3. metyl fomat.
   4. etyl fomat.
5. Tên gọi của este HCOOC6H5 là
   1. phenyl axetat.
   2. benzyl axetat.
   3. phenyl fomat.
   4. benzyl fomat.
6. [2020] Tên gọi của este HCOOCH3 là
   1. etyl axetat.
   2. metyl fomat.
   3. metyl axetat.
   4. etyl fomat.
7. [TK-2019] Etyl propionat là este có mùi thơm của dứa. Công thức của etyl propionat là
   1. CH3COOCH3.
   2. C2H5COOC2H5.
   3. C2H5COOCH3.
   4. CH3COOC2H5.
8. Công thức của vinyl propionat là
   1. CH2=CH-COO-CH3.
   2. CH3-COO-CH=CH2.
   3. CH2=CH-COO-C2H5.
   4. C2H5-COO-CH=CH2.
9. [TK-2022] Số nguyên tử hidro trong phân tử metyl fomat là
   1. 6.
   2. 8.
   3. 4.
   4. 2.
10. Số nguyên tử hidro trong phân tử metyl metacrylat là
    1. 6.
    2. 8.
    3. 10.
    4. 12.
11. Số nguyên tử hiđro trong phân tử benzyl axetat là
    1. 8.
    2. 10.
    3. 12.
    4. 14.
12. Số liên kết pi trong mỗi phân tử vinyl metacrylat là
    1. 1.
    2. 2.
    3. 3.
    4. 4.
13. [2021] Este X được tạo bởi ancol metylic và axit fomic. Công thức của X là
    1. HCOOCH3.
    2. HCOOC2H5.
    3. CH3COOCH3.
    4. CH3COOC2H5.
14. Metyl propionat được điều chế bằng phản ứng este hóa giữa
    1. CH3COOH với CH3OH.
    2. CH3COOH với C2H5OH.
    3. C2H5COOH và CH3OH.
    4. C2H5COOH và C2H5OH.
15. Ở điều kiện thích hợp, hai chất phản ứng với nhau tạo thành etyl fomat là
    1. HCOOH và C2H5OH.
    2. HCOONa và C2H5OH.
    3. HCOOH và CH3OH.
    4. HCOONa và CH3OH.
16. Đun nóng CH3COOC2H5 trong dung dịch H2SO4 loãng thu được hỗn hợp sản phẩm hữu cơ gồm
    1. CH3COOH và C2H5COOH.
    2. CH3OH và C2H5COOH.
    3. CH3OH và C2H5OH.
    4. CH3COOH và C2H5OH.
17. Đun nóng CH3COOCH3 trong dung dịch KOH dư thu được hỗn hợp sản phẩm hữu cơ gồm
    1. CH3COOH và CH3OH.
    2. CH3COOH và CH3OK.
    3. CH3COOK và CH3OH.
    4. CH3COOK và CH3OK.
18. [TK-2020] Thủy phân este CH3CH2COOCH3 thu được ancol có công thức là
    1. CH3CH2OH.
    2. CH3OH.
    3. C3H5OH.
    4. C3H7OH.
19. Thủy phân este C6H5COOC2H5 trong dung dịch NaOH dư thu được muối có công thức là
    1. C6H5ONa.
    2. C6H5COONa.
    3. C2H5COONa.
    4. C2H5ONa.
20. [2022] Thủy phân este nào sau đây trong dung dịch NaOH thu được natri fomat?
    1. CH3COOCH3.
    2. CH3COOC2H5.
    3. HCOOC2H5.
    4. C2H5COOCH3.
21. [2019] Este nào sau đây phản ứng với dung dịch KOH thu được ancol metylic?
    1. CH3COOC2H5.
    2. HCOOCH3.
    3. CH2=CHCOOC2H5.
    4. C2H5COOCH=CH2.
22. [TK-2021] Cho chất X tác dụng với dung dịch NaOH, thu được CH3COONa và C2H5OH. Công thức của chất X là
    1. C2H5COOCH3.
    2. CH3COOC2H5.
    3. CH3COOH.
    4. C2H5COOH.
23. Este X có công thức phân tử C4H8O2. Đun nóng X trong dung dịch KOH dư thu được metanol. Công thức cấu tạo của X là
    1. CH3COOCH3.
    2. CH3COOC2H5.
    3. C2H5COOCH3.
    4. HCOOCH3.
24. [TK-2023] Xà phòng hóa este X có công thức phân tử C4H8O2 bằng dung dịch NaOH dư thu được muối Y và ancol Z (bậc II). Công thức của Y là
    1. HCOONa.
    2. CH3COONa.
    3. C2H5COONa.
    4. CH2=CHCOONa.
25. Số este có công thức phân tử C4H8O2 được điều chế từ axit fomic là
    1. 1.
    2. 2.
    3. 3.
    4. 4.
26. Số este có công thức phân tử C6H12O2 phản ứng với dung dịch KOH tạo thành metanol là
    1. 1.
    2. 2.
    3. 3.
    4. 4.
27. [2021] Thủy phân este X (C4H8O2) trong dung dịch H2SO4 loãng, đun nóng, thu được sản phẩm gồm axit axetic và chất hữu cơ Y. Công thức của Y là
    1. CH3OH.
    2. C2H5OH.
    3. CH3COOH.
    4. C2H5COOH.
28. [TK-2020] Thủy phân este X có công thức phân tử C4H8O2 thu được ancol metylic. Tên gọi của X là
    1. etyl propionat.
    2. etyl axetat.
    3. metyl propionat.
    4. metyl axetat.
29. Thủy phân este X (C5H10O2) trong dung dịch H2SO4 loãng, đun nóng, thu được sản phẩm gồm ancol isopropylic và chất hữu cơ Y. Công thức của Y là
    1. CH3OH.
    2. C2H5OH.
    3. CH3COOH.
    4. C2H5COOH.
30. [TK-2021] Thủy phân hoàn toàn hỗn hợp etyl propionat và etyl fomat trong dung dịch NaOH thu được sản phẩm gồm:
    1. 1 muối và 1 ancol.
    2. 1 muối và 2 ancol.
    3. 2 muối và 1 ancol.
    4. 2 muối và 2 ancol.
31. Thủy phân hỗn hợp 2 este nào sau đây trong dung dịch KOH dư thu được sản phẩm hữu cơ gồm 1 muối và 2 ancol?
    1. Etyl axetat và metyl propionat.
    2. Metyl fomat và phenyl fomat.
    3. Etyl axetat và etyl propionat.
    4. Metyl acrylat và etyl acrylat.
32. [2018] Este nào sau đây có phản ứng tráng bạc?
    1. CH3COOCH2CH3.
    2. CH2=CHCOOCH3.
    3. HCOOCH3.
    4. CH3COOCH3.
33. Thủy phân este nào sau đây tạo thành anđehit axetic?
    1. Etyl acrylat.
    2. Vinyl fomat.
    3. Metyl axetat.
    4. Benzyl propionat.
34. Este đơn chức nào sau đây phản ứng với KOH trong dung dịch theo tỉ lệ mol 1:2?
    1. Vinyl propionat.
    2. Phenyl fomat.
    3. Isoamyl axetat.
    4. Etyl acrylat.
35. Este nào sau đây có mùi thơm của chuối chín?
    1. Benzyl axetat.
    2. Vinyl axetat.
    3. Metyl metacrylat.
    4. Isoamyl axetat.
36. Este nào sau đây tham gia phản ứng trùng hợp tạo thành polime được dùng để sản xuất kính ôtô, máy bay?
    1. Benzyl axetat.
    2. Vinyl axetat.
    3. Metyl metacrylat
    4. Isoamyl axetat.
37. Thí nghiệm nào sau đây xảy ra phản ứng este hóa?
    1. Đun nóng etyl axetat trong dung dịch KOH dư.
    2. Đun hồi lưu metanol với axit fomic (xt H2SO4 đặc).
    3. Rót vinyl axetat vào dung dịch nước Br2.
    4. Đun nhẹ etyl fomat với dung dịch AgNO3 trong NH3.
38. [2022] Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
    1. Etyl axetat có công thức phân tử là C4H8O2.
    2. Trong phân tử metyl metacrylat có một liên kết pi.
    3. Metyl acrylat có khả năng làm mất màu Br2 trong dung dịch.
    4. Etyl fomat có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.
39. [TK-2021] Cho dãy các este: etyl axetat, propyl axetat, metyl propionat và metyl metacrylat. Có bao nhiêu este tham gia phản ứng trùng hợp tạo thành polime?
    1. 4.
    2. 2.
    3. 2.
    4. 1.
40. Cho dãy các este sau: etyl axetat, vinyl fomat, metyl acrylat và metyl metacrylat. Số este trong dãy làm mất màu dung dịch Br2 là
    1. 1.
    2. 2.
    3. 3.
    4. 4.
41. Este X có công thức phân tử C4H6O2. Thủy phân este X trong dung dịch NaOH dư thu được hỗn hợp 2 sản phẩm hữu cơ đều có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc. Công thức cấu tạo của X là
    1. CH3COOCH=CH2.
    2. CH2=CHCOOCH3.
    3. HCOOCH2CH=CH2.
    4. HCOOCH=CHCH3.
42. [2023] Thực hiện phản ứng este hóa giữa HOOC-COOH với hỗn hợp CH3OH và C2H5OH, thu được tối đa bao nhiêu este hai chức?
    1. 1.
    2. 2.
    3. 3.
    4. 4.
43. [TK-2021] Chất nào sau đây là axit béo?
    1. Axit panmitic.
    2. Axit axetic.
    3. Axit fomic.
    4. Axit propionic.
44. [2021] Số nguyên tử hiđro có trong phân tử axit stearic là
    1. 33.
    2. 34.
    3. 35.
    4. 36.
45. [2021] Số nguyên tử cacbon có trong phân tử axit oleic là
    1. 16.
    2. 17.
    3. 18.
    4. 19.
46. [TK-2022] Axit panmitic là một loại axit béo có trong mỡ động vật và dầu cọ. Công thức của axit panmitic là
    1. C3H5(OH)3.
    2. CH3COOH.
    3. C15H31COOH.
    4. C17H31COOH.
47. Số nguyên tử hiđro trong mỗi phân tử triolein là
    1. 98
    2. 102.
    3. 104.
    4. 110.
48. [2022] Số nguyên tử oxi trong phân tử tristearin là
    1. 2.
    2. 4.
    3. 5.
    4. 6.
49. [2019] Công thức của triolein là
    1. (C17H33COO)3C3H5.
    2. (C17H35COO)3C3H5.
    3. (C17H33COO)2C2H4.
    4. (C17H35COO)2C2H4.
50. [2022] Chất nào sau đây là chất béo?
    1. Triolein.
    2. Metyl axetat.
    3. Xenlulozơ.
    4. Glixerol.
51. [TK-2020] Thủy phân hoàn toàn 1 mol chất béo luôn thu được
    1. 1 mol etylen glycol.
    2. 1 mol glixerol.
    3. 3 mol etylen glycol.
    4. 3 mol glixerol.
52. [2020] Thủy phân tripanmitin trong dung dịch NaOH thu được muối có công thức là
    1. C15H31COONa.
    2. C15H33COONa.
    3. C17H35COONa.
    4. C17H33COONa.
53. [2020] Thủy phân triolein trong dung dịch NaOH thu được muối có công thức là
    1. C15H31COONa.
    2. C15H33COONa.
    3. C17H35COONa.
    4. C17H33COONa.
54. Hidro hóa hoàn toàn triolein thu được chất hữu cơ X. Đun nóng X trong dung dịch KOH dư thu được muối có công thức là
    1. C17H33COOK.
    2. C17H35COOK.
    3. C17H31COOK.
    4. C17H37COOK.
55. [2023] Thủy phân hoàn toàn triglixerit X trong dung dịch NaOH thu được natri stearat và glixerol. Công thức của X là
    1. (C15H31COO)3C3H5.
    2. (C17H31COO)3C3H5.
    3. (C17H33COO)3C3H5.
    4. (C17H35COO)3C3H5.
56. Thủy phân hoàn toàn 1 mol triolein trong dung dịch NaOH (vừa đủ) thu được
    1. 1 mol glixerol và 1 mol natri oleat.
    2. 1 mol glixerol và 3 mol natri oleat.
    3. 3 mol glixerol và 1 mol natri oleat.
    4. 3 mol glixerol và 3 mol natri oleat.
57. Thí nghiệm nào sau đây **không** xảy ra phản ứng hóa học?
    1. Đun nóng tristearin trong dung dịch H2SO4 loãng.
    2. Đun nóng triolein trong dung dịch KOH đặc.
    3. Rót triolein vào ống nghiệm chứa dung dịch Br2.
    4. Cho tristearin vào ống nghiệm chứa Cu(OH)2.
58. Cho dãy các chất sau: metyl propionat, etyl acrylat, vinyl fomat, phenyl axetat và tristearin. Số chất trong dãy phản ứng với dung dịch KOH dư (đun nóng) có tạo thành ancol là
    1. 1.
    2. 2.
    3. 3.
    4. 4.
59. [2018] Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
    1. Thủy phân etyl axetat thu được ancol metylic.
    2. Etyl fomat có phản ứng tráng bạc.
    3. Triolein phản ứng được với nước brom.
    4. Ở điều kiện thường, tristearin là chất rắn.
60. Phát biểu nào sau đây đúng?
    1. Thủy phân vinyl fomat trong môi trường kiềm thu được anđehit fomic.
    2. Triolein là chất lỏng không tan trong nước, tan nhiều trong benzen.
    3. Dầu thực vật và dầu bôi trơn đều có thành phần chính là chất béo.
    4. Đa số các este có nhiệt độ sôi thấp, tan ít trong nước và nặng hơn nước.
61. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
    1. Trong cơ thể, chất béo bị oxi hóa chậm tạo thành CO2, H2O và cung cấp năng lượng cho cơ thể.
    2. Trong công nghiệp, một lượng lớn chất béo chủ yếu được dùng để sản xuất xà phòng và glixerol.
    3. Trong công nghiệp, có thể chuyển hóa chất béo lỏng thành chất béo rắn bằng phản ứng oxi hóa.
    4. Dầu mỡ bị ôi là do liên kết C=C ở gốc axit trong chất béo bị oxi hóa chậm tạo thành anđehit.
62. Xà phòng hòa hoàn toàn một triglixerit X bằng dung dịch NaOH thu được glixerol và hỗn hợp 3 muối: natri panmitat, natri stearat và natri oleat. Số nguyên tử hiđro trong mỗi phân tử X là
    1. 102.
    2. 104.
    3. 106.
    4. 108.
63. Xà phòng hóa hoàn toàn một triglixerit X trong dung dịch KOH vừa đủ (đun nóng) thu được glixerol và hỗn hợp 2 muối: kali stearat và kali oleat. Số nguyên tử cacbon trong mỗi phân tử X là
    1. 54.
    2. 55.
    3. 56.
    4. 57.
64. [2022] Chất nào sau đây thuộc loại đisaccarit?
    1. Xenlulozơ.
    2. Saccarozơ.
    3. Glucozơ.
    4. Fructozơ.
65. [2021] Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?
    1. Glucozơ.
    2. Tinh bột.
    3. Saccarozơ.
    4. Xenlulozơ.
66. [2021] Chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?
    1. Saccarozơ.
    2. Glucozơ.
    3. Tinh bột.
    4. Fructozơ.
67. [2022] Chất nào sau đây là đồng phân của glucozơ?
    1. Tinh bột.
    2. Fructozơ.
    3. Xenlulozơ.
    4. Saccarozơ.
68. [2020] Số nguyên tử hiđro trong phân tử fructozơ là
    1. 12.
    2. 22.
    3. 6.
    4. 11.
69. [2020] Số nguyên tử oxi trong phân tử saccarozơ là
    1. 12.
    2. 22.
    3. 6.
    4. 11.
70. [TK-2022] Glucozơ là chất dinh dưỡng và được dùng làm thuốc tăng lực cho người già, trẻ em và người ốm. Số nguyên tử cacbon trong phân tử glucozơ là
    1. 12.
    2. 22.
    3. 6.
    4. 11.
71. Một phân tử saccarozơ gồm
    1. một gốc glucozơ và một gốc fructozơ liên kết với nhau qua nguyên tử cacbon.
    2. một gốc glucozơ và một gốc fructozơ liên kết với nhau qua nguyên tử oxi.
    3. hai gốc glucozơ liên kết với nhau qua nguyên tử cacbon.
    4. hai gốc glucozơ liên kết với nhau qua nguyên tử oxi.
72. Khi bị ốm, mất sức nhiều người bệnh thường được truyền dịch để bổ sung nhanh năng lượng. chất trong dịch truyền có tác dụng trên là
    1. saccarozơ.
    2. amilozơ.
    3. glucozơ.
    4. fructozơ.
73. [2021] Dung dịch chất nào sau đây hòa tan Cu(OH)2 thu được dung dịch có màu xanh lam?
    1. Fructozơ.
    2. Ancol etylic.
    3. Anbumin.
    4. Propan-1,3-điol.
74. Cacbohidrat X được sinh ra trong quá trình quang hợp của cây xanh. Ở nhiệt độ thường, X tạo với dung dịch I2 hợp chất màu xanh tím. Cacbohidrat X là
    1. xenlulozơ.
    2. saccarozơ.
    3. glucozơ.
    4. tinh bột.
75. Chất nào sau đây có phản ứng tráng bạc nhưng **không** làm mất màu nước brom?
    1. Glucozơ.
    2. Fructozơ.
    3. Saccarozơ.
    4. Xenlulozơ.
76. Chất nào sau đây phản ứng với khí H2 tạo thành sobitol?
    1. Xenlulozơ.
    2. Saccarozơ.
    3. Tinh bột.
    4. Glucozơ.
77. [2021] Chất nào sau đây bị thủy phân khi đun nóng trong môi trường axit?
    1. Fructozơ.
    2. Glixerol.
    3. Xenlulozơ.
    4. Glucozơ.
78. Chất nào sau đây vừa hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch màu xanh lam, vừa bị thủy phân trong môi trường axit, khi đun nóng?
    1. Glucozơ.
    2. Fructozơ.
    3. Saccarozơ.
    4. Xenlulozơ.
79. [2022] Cặp chất nào sau đây đều có khả năng thủy phân trong môi trường axit, đun nóng?
    1. Fructozơ và tinh bột.
    2. Saccarozơ và xenlulozơ.
    3. Glucozơ và saccarozơ.
    4. Glucozơ và fructozơ.
80. Khi có xúc tác thích hợp, glucozơ có phản ứng lên men tạo thành
    1. etanol và khí oxi.
    2. etanol và khí cacbonic.
    3. metanol và khí oxi.
    4. metanol và khí cacbonic.
81. Ở nhiệt độ thường, nhỏ vài giọt dung dịch I2 vào hồ tinh bột sẽ thấy xuất hiện màu
    1. vàng rơm.
    2. xanh tím.
    3. xanh lam.
    4. nâu đỏ.
82. Cả glucozơ và saccarozơ đều
    1. tham gia phản ứng tráng bạc.
    2. bị thủy phân trong môi trường axit.
    3. hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường.
    4. phản ứng với khí H2 (Ni xúc tác,to).
83. Glucozơ và xenlulozơ có cùng đặc điểm nào sau đây?
    1. Là chất rắn, dễ tan trong nước.
    2. Tham gia phản ứng tráng bạc.
    3. Bị thủy phân trong môi trường axit.
    4. Có nhiều nhóm –OH trong phân tử.
84. Cả xenlulozơ và saccarozơ đều
    1. tham giả phản ứng tráng bạc.
    2. bị thủy phân trong môi trường axit.
    3. hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường.
    4. phản ứng với khí H2 (Ni xúc tác,to).
85. [TK-2022] Phát biểu nào sau đây đúng?
    1. Glucozơ bị thủy phân trong môi trường axit.
    2. Tinh bột là chất lỏng ở nhiệt độ thường.
    3. Xenlulozơ thuộc loại disaccarit.
    4. Dung dịch saccarozơ hòa tan được Cu(OH)2.
86. Dữ liệu thực nghiệm nào sau đây chứng minh: ở dạng mạch hở, phân tử glucozơ có chứa nhiều nhóm hydroxi –OH ở vị trí kề nhau?
    1. Lên men glucozo thu được etanol và khí CO2.
    2. Glucozơ hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường.
    3. Hiđro hóa hoàn toàn glucozơ thu được sobitol.
    4. Khử hoàn toàn glucozơ thu được hexan.
87. Thủy phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch axit vô cơ loãng, thu được chất hữu cơ X. Lên men với xúc tác phù hợp thu được chất hữu cơ Y. Tên gọi của X, Y lần lượt là
    1. glucozơ và sobitol.
    2. glucozơ và etanol.
    3. fructozơ và sobitol.
    4. fructozơ và etanol.
88. [2019] Tinh thể chất rắn X không màu, vị ngọt, dễ tan trong nước. X có nhiều trong quả nho chín nên còn gọi là đường nho. Khử chất X bằng H2 thu được chất hữu cơ Y. Tên gọi của X và Y lần lượt là
    1. glucozơ và fructozơ.
    2. fructozơ và sobitol.
    3. saccarozơ và glucozơ.
    4. glucozơ và sobitol.
89. [2019] Tinh thể chất rắn X không màu, vị ngọt, dễ tan trong nước. X có nhiều trong cây mía, củ cải đường và hoa thốt nốt. Trong công nghiệp, X chuyển hóa thành chất Y dùng để tráng gương, tráng ruột phích. Tên gọi của X và Y lần lượt là
    1. glucozơ và saccarozơ.
    2. glucozơ và sobitol.
    3. saccarozơ và glucozơ.
    4. saccarozơ và sobitol.
90. [2019] Tinh thể chất X không màu, vị ngọt, dễ tan trong nước. X có nhiều trong mật ong nên làm cho mật ong có vị ngọt sắc. Trong công nghiệp, X được điều chế bằng phản ứng thủy phân chất Y. Tên gọi của X và Y lần lượt là
    1. fructozơ và saccarozơ.
    2. saccarozơ và glucozơ.
    3. saccarozơ và fructozo.
    4. fructozơ và glucozơ.
91. [2019] Chất X là chất dinh dưỡng, được dùng làm thuốc tăng lực cho người già, trẻ nhỏ và người ốm. Trong công nghiệp, X được điều chế bằng cách thủy phân chất Y. Chất Y là nguyên liệu để làm bánh kẹo, nước giải khát. Tên gọi của X, Y lần lượt là
    1. glucozơ và xenlulozơ.
    2. fructozơ và saccarozơ.
    3. glucozơ và saccarozơ.
    4. fructozơ và xenlulozơ.
92. [2020] Thủy phân saccarozơ thu được hai monosaccarit X và Y. Chất X có trong máu người với nồng độ khoảng 0,1%. Phát biểu nào sau đây đúng?
    1. Y bị thủy phân trong môi trường kiềm.
    2. X không có phản ứng tráng bạc.
    3. X có phân tử khối là 180 đvC.
    4. Y không tan trong nước.
93. [2020] Polisaccarit X là chất rắn, ở dạng vô định hình, màu trắng và được tạo thành nhờ quá trình quang hợp của cây xanh. Thủy phân X thu được monosaccarit Y. Phát biểu nào sau đây đúng?
    1. Phân tử khối của Y là 162 đvC.
    2. Y tác dụng với H2 tạo thành sobitol.
    3. X dễ tan trong nước lạnh.
    4. X có phản ứng tráng bạc.
94. [2020] Polisaccarit X là chất rắn, màu trắng, dạng sợi. Trong bông nõn có gần 98% chất X. Thủy phân X thu được monosaccarit Y. Phát biểu nào sau đây đúng?
    1. Y có tính chất của poliancol.
    2. Phân tử khối của Y là 342 đvC.
    3. X có phản ứng tráng bạc.
    4. Y không tan trong nước.
95. [2022] Cho dãy các chất sau: glucozơ, fructozơ, saccarozơ và xenlulozơ. Số chất trong dãy có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc là
    1. 4.
    2. 2.
    3. 1.
    4. 3.
96. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
    1. Nước svayde có thể hòa tan được xenlulozơ.
    2. Hiđro hóa hoàn toàn glucozơ bằng H2 tạo thành sobitol.
    3. Amylopectin có cấu trúc mạch không phân nhánh.
    4. Ở dạng mạch hở, phân tử fructozơ có 5 nhóm OH.
97. [2023] Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
    1. Thủy phân saccarozơ chỉ thu được glucozơ.
    2. Glucozơ có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.
    3. Xenlulozơ và tinh bột đều thuộc loại polisaccarit.
    4. Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh.
98. [2023] Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
    1. Amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.
    2. Fructozơ và glucozơ là đồng phân của nhau.
    3. Thủy phân hoàn toàn xenlulozơ thu được glucozơ.
    4. Sản phẩm thủy phân hoàn toàn tinh bột là fructozơ.
99. [TK-2022] Phân tử chất nào sau đây chứa nguyên tố nitơ?
    1. Axit axetic.
    2. Metyl amin.
    3. Tinh bột.
    4. Glucozơ.
100. [2022] Chất X có công thức CH3NH2. Tên gọi của X là
     1. Trimetyl amin.
     2. Etyl amin.
     3. Metyl amin.
     4. Dimetyl amin.
101. [2023] Tên thông thường của CH3-NH-CH3 là
     1. Metyl amin.
     2. Etyl amin.
     3. Trimetyl amin.
     4. Dimetyl amin.
102. [2022] Công thức phân tử của etyl amin là
     1. C4H11N.
     2. CH5N.
     3. C2H7N.
     4. C3H9N.
103. Công thức của anilin là
     1. C2H5NH2.
     2. C6H5NH2.
     3. CH3NHCH3.
     4. (CH3)3N.
104. Số nguyên tử hiđro trong phân tử dietyl amin là
     1. 9.
     2. 10.
     3. 11.
     4. 12.
105. Amin nào sau đây thuộc loại amin bậc II?
     1. CH3-CH2-NH2.
     2. CH3-NH-CH3.
     3. H2N-CH2-NH2.
     4. CH3-CH(NH2)-CH3.
106. Số đồng phân amin có công thức phân tử C3H9N là
     1. 2.
     2. 3.
     3. 4.
     4. 5.
107. Số đồng phân amin bậc II có công thức phân tử C4H11N là
     1. 3.
     2. 4.
     3. 7.
     4. 8.
108. Ở điều kiện thường, chất nào sau đây tồn tại ở trạng thái lỏng?
     1. Metyl amin.
     2. Etyl amin.
     3. Trimetyl amin.
     4. Phenyl amin.
109. Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về anilin?
     1. Tan ít trong nước và nặng hơn nước.
     2. Là chất rắn không màu ở điều kiện thường.
     3. Dễ bị oxi hóa thành màu nâu đen bởi không khí.
     4. Phản ứng với dung dịch Br2 tạo kết tủa trắng.
110. Cả etyl amin và anilin đều
     1. là chất khí, tan nhiều trong nước.
     2. phản ứng với dung dịch HCl.
     3. tạo kết tủa trắng với nước Br2.
     4. làm quỳ tím ẩm hóa màu xanh.
111. [2019] Trong dung dịch, etyl amin (C2H5NH2) tác dụng được với chất nào sau đây?
     1. K2SO4.
     2. NaOH.
     3. HCl.
     4. KCl.
112. Nhỏ vài giọt nước brom vào ống nghiệm chứa anilin thấy
     1. xuất hiện làn khói màu trắng.
     2. xuất hiện kết tủa màu trắng.
     3. thành ống nghiệm sáng bóng như gương.
     4. dung dịch có màu xanh lam đặc trưng.
113. Trong dung dịch, cả metyl amin và anilin đều cùng phản ứng với
     1. KCl.
     2. HCl.
     3. KOH
     4. Br2.
114. [2020] Số nhóm cacboxyl (COOH) trong phân tử alanin là
     1. 4.
     2. 2.
     3. 3.
     4. 1.
115. [2020] Số nhóm amino (NH2) trong phân tử glyxin là
     1. 4.
     2. 2.
     3. 3.
     4. 1.
116. Số nhóm cacboxyl (COOH) và số nhóm amino (NH2) trong phân tử lysin lần lượt là
     1. 2 và 1.
     2. 2 và 2.
     3. 1 và 2.
     4. 1 và 1.
117. [TK-2022] Trong phân tử chất nào sau đây có 1 nhóm amino và 2 nhóm cacboxylic?
     1. Axit fomic.
     2. Axit glutamic.
     3. Alanin.
     4. Lysin.
118. Số nguyên tử cacbon trong phân tử valin là
     1. 3.
     2. 4.
     3. 5.
     4. 6.
119. [TK-2021] Số nguyên tử oxi trong phân tử axit glutamic là
     1. 3.
     2. 4.
     3. 5.
     4. 6.
120. Phân tử amino axit nào sau đây có 6 nguyên tử cacbon?
     1. Alanin.
     2. Valin.
     3. Axit glutamic.
     4. Lysin.
121. Amino axit nào sau đây có phân tử khối nhỏ nhất?
     1. Alanin.
     2. Lysin.
     3. Glyxin.
     4. Axit glutamic.
122. Amino axit nào sau đây có mạch cacbon phân nhánh?
     1. Alanin.
     2. Valin.
     3. Lysin.
     4. Axit glutamic.
123. [TK-2020] Chất X có công thức H2N-CH(CH3)-COOH. Tên gọi của X là
     1. glyxin.
     2. valin.
     3. alanin.
     4. lysin.
124. [2019] Axit amino axetic (H2N-CH2-COOH) tác dụng được với dung dịch nào sau đây?
     1. NaNO3.
     2. NaCl.
     3. HCl.
     4. K2SO4.
125. [2021] Chất nào sau đây là đipeptit?
     1. Ala-Gly-Ala.
     2. Ala-Ala-Ala.
     3. Val-Gly-Val-Gly.
     4. Gly-Ala.
126. [2022] Số liên kết peptit trong phân tử peptit Gly-Ala-Val-Gly là
     1. 2.
     2. 4.
     3. 3.
     4. 1.
127. Kí hiệu amino axit đầu cacbon trong phân tử Phe-Val-Gly-Ala là
     1. Phe.
     2. Val.
     3. Ala.
     4. Gly.
128. Kí hiệu amino axit đầu nitơ trong phân tử Val-Phe-Ala-Gly là
     1. Gly.
     2. Ala.
     3. Phe.
     4. Val.
129. Số nguyên tử cacbon trong mỗi phân tử Gly-Ala-Ala là
     1. 6.
     2. 7.
     3. 8.
     4. 9.
130. Số nguyên tử oxi trong mỗi phân tử Val-Ala-Ala là
     1. 3.
     2. 4.
     3. 5.
     4. 6.
131. Số nguyên tử nitơ trong mỗi phân tử Gly-Gly-Val là
     1. 3.
     2. 4.
     3. 5.
     4. 6.
132. [TK-2019] Dung dịch Ala-Gly phản ứng được với dung dịch nào sau đây?
     1. HCl.
     2. KNO3.
     3. NaCl.
     4. NaNO3.
133. Chất nào sau đây **không** có phản ứng biure với Cu(OH)2?
     1. Gly-Gly-Gly.
     2. Ala-Gly.
     3. Ala-Gly-Ala.
     4. Ala-Gly-Ala-Gly.
134. Thủy phân hoàn toàn tripeptit X thu được hỗn hợp gồm glyxin và alanin. Số tripeptit phù hợp với X là
     1. 5.
     2. 6.
     3. 7.
     4. 8.
135. Nhỏ lòng trắng trứng vào ống nghiệm chứa Cu(OH)2 trong môi trường kiềm sẽ thấy có màu
     1. nâu đỏ.
     2. vàng nâu.
     3. tím xanh.
     4. lục nhạt.
136. Dung dịch của chất nào sau đây phản ứng với Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường tạo thành màu tím xanh?
     1. Tinh bột.
     2. Glucozơ.
     3. Anbumin.
     4. Triolein.
137. [2021] Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển màu xanh?
     1. Etyl amin.
     2. Glyxin.
     3. Valin.
     4. Alanin.
138. [2021] Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển màu hồng?
     1. Lysin.
     2. Glyxin.
     3. Valin.
     4. Axit glutamic.
139. [2021] Dung dịch chất nào sau đây **không** làm quỳ tím đổi màu?
     1. Axit glutamic.
     2. Metyl amin.
     3. Anilin.
     4. Lysin.
140. Cặp amino axit nào sau đây trong dung dịch đều làm đổi màu quý tím?
     1. Alanin và lysin.
     2. Axit glutamic và glyxin.
     3. Glyxin và alanin.
     4. Lysin và axit glutamic.
141. Trong dung dich, cả metyl amin và axit glutamic đều phản ứng với
     1. NaOH.
     2. NaNO3.
     3. HCl.
     4. K2SO4.
142. Có thể dùng quỳ tím để phân biệt được các chất trong dãy chất nào sau đây?
     1. Glyxin, alanin và valin.
     2. Glyxin, lysin và valin.
     3. Alanin, valin và axit glutamic.
     4. Valin, lysin và axit glutamic.
143. [TK-2023] Ở điều kiện thường, chất nào sau đây là chất rắn?
     1. Dimetyl amin.
     2. Etyl amin.
     3. Glyxin.
     4. Anilin.
144. [TK-2019] Cho các chất sau: metyl amin, alanin, metylamoni clorua, natri axetat. Số chất phản ứng được với dung dịch HCl là
     1. 3.
     2. 4.
     3. 2.
     4. 1.
145. Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Thành phần chính của bột ngọt (mì chính) là axit glutamic.
     2. Các amino axit thiên nhiên hầu là các β-aminoaxit.
     3. Ở nhiệt độ thường, các aminoaxit là những chất lỏng.
     4. Trùng ngưng axit ε-aminocaproic thu được policaproamit.
146. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
     1. Trong dung dịch, glyxin tồn tại chủ yếu ở dạng ion lưỡng cực.
     2. Ở điều kiện thường, metyl amin và etyl amin đều là chất khí.
     3. Anilin là chất rắn không màu dễ bị oxi hóa trong không khí.
     4. Valin là chất rắn kết tinh, có nhiệt độ nóng chảy cao và tan tốt trong nước.
147. Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Tất cả protein đều tan trong nước tạo thành dung dịch keo.
     2. Liên kết peptit là liên kết CONH giữa hai gốc amino axit bất kì.
     3. Trong mỗi phân tử tripeptit (mạch hở) có ba liên kết peptit.
     4. 1 mol Gly-Gly-Ala phản ứng tối đa với 3 mol KOH trong dung dịch.
148. [2019] Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Alanin là hợp chất có tính lưỡng tính.
     2. Gly-Ala có phản ứng màu biure.
     3. Tripeptit mạch hở có ba liên kết peptit.
     4. Dimetyl amin là amin bậc ba.
149. [2019] Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Phân tử lysin có một nguyên tử nitơ.
     2. Anilin là chất lỏng tan nhiều trong nước.
     3. Phân tử Gly-Ala-Ala có ba nguyên tử oxi.
     4. Dung dịch protein có phản ứng màu biure.
150. [2019] Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Phân tử axit glutamic có hai nguyên tử oxi.
     2. Anilin tác dụng với nước brom tạo kết tủa.
     3. Ở điều kiện thường, glyxin là chất lỏng.
     4. Phân tử Gly-Ala có một nguyên tử nitơ.
151. [2020] Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
     1. Dung dịch protein có phản ứng màu biure.
     2. Dung dịch valin làm quỳ tím hóa màu xanh.
     3. Amino axit có tính chất lưỡng tính.
     4. Protein được tạo nên từ các chuỗi peptit kết hợp lại với nhau.
152. [TK-2020] Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
     1. Dung dịch lysin không làm quỳ tím đổi màu.
     2. Metyl amin là chất khí tan nhiều trong nước.
     3. Protein đơn giản chứa các gốc α-amino axit.
     4. Phân tử Gly-Ala-Val có ba nguyên tử nitơ.
153. [TK-2020] Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Anilin là chất khí tan nhiều trong nước.
     2. Gly-Ala-Ala có phản ứng màu birue.
     3. Phân tử Gly-Ala có bốn nguyên tử oxi.
     4. Dung dịch glyxin làm quỳ tím hóa màu đỏ
154. Hai chất hữu cơ X và Y có cùng công thức phân tử là C3H7O2N. Khi phản ứng với dung dịch NaOH, X tạo thành H2N-CH2-COONa và chất hữu cơ Z; còn Y tạo thành CH2=CHCOONa và khí T. Các chất Z và T lần lượt là
     1. CH3OH và NH3.
     2. CH3OH và CH3NH2.
     3. CH3NH2 và NH3.
     4. CH3NH2 và C2H5OH.
155. [2020] Polime nào sau đây được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng?
     1. Poli(vinyl clorua).
     2. Polibutadien.
     3. Poli(metyl metacrylat).
     4. Poli(hexametylen ađipamit).
156. [TK-2020] Chất nào sau đây có phản ứng trùng hợp?
     1. Etilen.
     2. Etylen glycol.
     3. Etyl amin.
     4. Axit axetic.
157. [TK-2020] Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng trùng hợp?
     1. Propen.
     2. Stiren.
     3. Isopren.
     4. Toluen.
158. [2020] Polime nào sau đây được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng?
     1. Polipropilen.
     2. Poliisopren.
     3. Poli(etylen terephtalat).
     4. Poliacrilonitrin.
159. [TK-2020] Cho các polime sau: nilon-6,6, poli(vinyl clorua), poli(metyl metacrylat), poli(etylen terephtalat). Số polime được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng là
     1. 1.
     2. 2.
     3. 3.
     4. 4.
160. [2021] Polime nào sau đây thuộc loai polime thiên nhiên?
     1. Tơ visco.
     2. Tinh bột.
     3. Poli(vinyl clorua).
     4. Polietilen.
161. [2021] Polime nào sau đây thuộc loại polime bán tổng hợp?
     1. Tơ visco.
     2. Xenlulozơ.
     3. Poli(vinyl clorua).
     4. Polibutadien.
162. [2018] Polime nào sau đây có cấu trúc mạch phân nhánh?
     1. Amilozơ.
     2. Xenlulozơ.
     3. Amylopectin.
     4. Polietilen.
163. Polime nào sau đây có cấu trúc mạch mạng lưới không gian?
     1. Xenlulozơ.
     2. Amylopectin.
     3. Cao su lưu hóa.
     4. Poli(vinyl clorua).
164. [2022] Polime nào sau đây có chứa nguyên tố nitơ?
     1. Poliacrilonitrin.
     2. Polietilen.
     3. Poli(vinyl clorua).
     4. Polibuta-1,3-dien.
165. Đốt cháy một mẫu vật liệu polime X thu được hỗn hợp sản phẩm, trong đó có khí Y. Dẫn khí Y vào dung dịch AgNO3 dư thấy xuất hiện kết tủa trắng. Vật liệu polime X có thể là
     1. Cao su thiên nhiên.
     2. Tơ visco.
     3. Nhựa PVC.
     4. Poliacrilonitrin.
166. [TK-2022] Polime nào sau đây có công thức –(CH2-CH(CN))-n?
     1. Poli(metyl metacrylat).
     2. Polietilen.
     3. Poliacrilonitrin.
     4. Poli(vinyl clorua).
167. [TK-2019] Polietilen (PE) được điều chế từ phản ứng trùng hợp chất nào sau đây?
     1. CH2=CH2.
     2. CH2=CH-CH3.
     3. CH2=CH-Cl.
     4. CH3-CH3.
168. [2018] Khi nhựa PVC cháy sinh ra nhiều khí độc, trong đó có khí X. Biết khí X tác dụng với dung dịch AgNO3 thu được kết tủa trắng. Công thức của khí X là
     1. C2H4.
     2. HCl.
     3. CO2.
     4. CH4.
169. Tơ nitron dai, bền với nhiệt, giữ nhiệt tốt, thường được dùng để dệt vải may quần áo ấm. Polime dùng để sản xuất tơ nitron là sản phẩm trùng hợp của chất nào sau đây?
     1. CH2=CH-CN.
     2. CH2=CH-CH3.
     3. CH2=CH-Cl.
     4. CH2=CH-C6H5.
170. [2023] Poli(vinyl clorua) được điều chế trực tiếp từ monomer nào sau đây?
     1. CH2=CH-CN.
     2. CH2=CH-CH=CH2.
     3. CH2=CH-Cl.
     4. CH2=CH2.
171. Sản phẩm trùng hợp của chất nào sau đây được dùng để sản xuất cao su?
     1. Acrilonitrin.
     2. Vinyl clorua.
     3. Buta-1,3-dien.
     4. Metyl metacrylat.
172. Polime X là chất rắn trong suốt, có khả năng cho ánh sáng truyền qua tốt nên được dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ plexiglas. Tên gọi của X là
     1. Poliacrilonitrin.
     2. Poli(metyl metacrylat).
     3. Poli(vinyl axetat).
     4. Poli(vinyl clorua).
173. Khi đun nóng cao su thiên nhiên tới 250oC – 300oC thu được
     1. Isopren.
     2. Vinyl clorua.
     3. Vinyl xianua.
     4. Buta-1,3-dien.
174. Poli(etylen terephtalat) được điều chế từ phản ứng giữa axit terephtalic với chất nào sau đây?
     1. Etanol.
     2. Etylen glycol.
     3. Etylen.
     4. Glixerol.
175. Tơ nilon-6,6 là sản phẩm trùng ngưng của
     1. axit axetic và etyl amin.
     2. axit adipic và hexametylen diamin.
     3. axit ε-aminocaproic.
     4. axit glutamic và etanol.
176. [2020] Có bao nhiêu tơ tổng hợp trong các tơ sau: xenlulozơ axetat, capron, nilon-6,6 và nitron?
     1. 1.
     2. 2.
     3. 3.
     4. 4.
177. [TK-2019] Cho các polime: poli(vinyl clorua), xenlulozơ, policaproamit, polistiren, xenlulozơ triaxetat, nilon-6,6. Số polime tổng hợp là
     1. 5.
     2. 2.
     3. 3.
     4. 4.
178. [TK-2021] Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Tơ nitron được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
     2. Sợi bông, tơ tằm đều thuộc loại polime thiên nhiên.
     3. Cao su lưu hóa có cấu trúc mạch không phân nhánh.
     4. Tơ nilon-6,6 được điều chế bằng phản ứng trùng hợp.
179. [2019] Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Poli(metyl metacrylat) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp.
     2. Trùng hợp axit ε-aminocaproic thu được policaproamit.
     3. Poli(etylen terephtalat) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp.
     4. Polietilen được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
180. [2019] Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Amilozơ có cấu trúc mạch phân nhánh.
     2. Poliacrinitrin được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
     3. Poli(metyl metacrylat) được dùng để sản xuất chất dẻo.
     4. Poli(vinyl clorua) được điều chế bằng phản ứng cộng thêm HCl vào etilen.
181. [2021] Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Tơ poliamit rất bền trong môi trường axit.
     2. Tơ nilon-6,6 thuộc loại tơ bán tổng hợp.
     3. Cao su là vật liệu polime có tính đàn hồi.
     4. Tơ nitron được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
182. Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Đồng trùng hợp buta-1,3-dien với lưu huỳnh thu được cao su buna-S.
     2. Sau khi lưu hóa, tình đàn hồi của cao su giảm đi.
     3. Tơ poliamit rất bền trong môi trường axit.
     4. Tơ olon được điều chế bằng phản ứng trùng hợp.
183. [2021] Phát biểu nào sau đây đúng?
     1. Sau khi lưu hóa, tính đàn hồi của cao su giảm đi.
     2. Polietilen là polime được dùng làm chất dẻo.
     3. Tơ xenlulozơ axetat thuộc loại tơ tổng hợp.
     4. Cao su thiên nhiên có thành phần chính là polibutadien.
184. [2022] Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
     1. Trùng ngưng buta-1,3-dien thu được polime dùng để sản xuất cao su.
     2. Trùng ngưng axit ε-aminocaproic thu được policaproamit.
     3. Trùng hợp vinyl xianua thu được polime dùng để sản xuất tơ olon.
     4. Trùng hợp metyl metacrylat thu được polime dùng để sản xuất chất dẻo.
185. [2018] Cho các dung dịch: glixerol, anbumin, saccarozơ và glucozơ. Số dung dịch phản ứng với Cu(OH)2 trong môi trường kiềm là
     1. 4.
     2. 1.
     3. 2.
     4. 3.
186. [2018] Cho các chất: anilin, saccarozơ, glyxin, axit glutamic. Số chất tác dụng được với NaOH trong dung dịch là
     1. 3.
     2. 2.
     3. 1.
     4. 4.
187. [2018] Cho các dung dịch: anilin, metyl amin, lysin và glyxin. Số dung dịch làm đổi màu phenolphthalein là
     1. 4.
     2. 3.
     3. 2.
     4. 1.
188. [2018] Cho các thí nghiệm sau:

(1): Dẫn khí CH3NH2 vào dung dịch CH3COOH.

(2): Đun nóng tinh bột trong dung dịch H2SO4 loãng.

(3): Sục khí H2 vào nồi kín chứa triolein (xúc tác Ni), đun nóng.

(4): Nhỏ vài giọt nước brom vào dung dịch anilin.

(5): Cho dung dịch HCl vào dung dịch axit glutamic.

(6): Cho dung dịch metyl axetat vào dung dịch AgNO3 trong NH3, đun nóng.

Số thí nghiệm xảy ra phản ứng hóa học là

* 1. 3.
  2. 5.
  3. 2.
  4. 4.

1. [2019] Cho các phát biểu sau:

(1): Nếu nhỏ dung dịch I2 vào lát cắt của quả chuối xanh thì xuất hiện màu xanh tím.

(2): Khi nấu canh cua, hiện tượng riêu cua nổi lên trên là do sự đông tụ protein.

(3): Một số este có mùi thơm được dùng làm chất tạo hương trong công nghiệp thực phẩm.

(4): Vải làm từ nilon-6,6 kém bền trong nước xà phòng có tính kiềm cao.

Số phát biểu đúng là

* 1. 2.
  2. 3.
  3. 4.
  4. 1.

1. [2019] Cho các phát biểu sau:

(1): Thủy tinh hữu cơ (Plexiglas) được ứng dụng làm cửa kính ôtô.

(2): Quá trình làm rượu vang từ quả nho xảy ra phản ứng lên men rượu của glucozơ.

(3): Khi ngâm trong xà phòng có tính kiềm, vải lụa làm bằng tơ tằm sẽ nhanh hỏng.

(4): Khi rớt axit sunfuric đặc vào vải cotton (sợi bông) thì chỗ vải đó sẽ bị đen rồi thủng.

(5): Dầu mỡ động thực vật bị ôi thiu do liên kết C=C của chất béo bị oxi hóa.

Số phát biểu đúng là

* 1. 2.
  2. 4.
  3. 3.
  4. 5.

1. [2019] Cho các phát biểu sau:

(1): Mỡ lợn hoặc dầu dừa có thể dùng làm nguyên liệu để sản xuất xà phòng.

(2): Nước ép của quả nho chín có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.

(3): Trong tơ tằm có các gốc α-aminoaxit.

(4): Cao su lưu hóa có tính đàn hồi, lâu mòn và khó tan hơn cao su thường.

(5): Một số este có mùi thơm được dùng làm chất tạo hương cho thực phẩm và mỹ phẩm.

Số phát biểu đúng là

* 1. 2.
  2. 3.
  3. 4.
  4. 5.

1. [2019] Cho các phát biểu sau:

(1): Dầu chuối (chất tạo hương liệu mùi chuối chín) có chứa isoamyl axetat.

(2): Trong công nghiệp, glucozơ được dùng để tráng ruột phích.

(3): Tinh bột được tạo thành trong cây xanh nhờ quá trình quang hợp.

(4): Dùng giấm ăn hoặc nước cốt chanh khử được mùi tanh trong cá do amin gây ra.

(5): Có thể dùng nhiệt để hàn và uốn ống nhựa PVC.

Số phát biểu đúng là

* 1. 3.
  2. 4.
  3. 5.
  4. 2.

1. [2020] Cho các phát biểu sau:

(1): Hiđro hóa hoàn toàn chất béo lỏng thu được chất béo rắn.

(2): Nhỏ vài giọt dung dịch I2 vào xenlulozơ xuất hiện màu xanh tím.

(3): Tơ nitron giữ nhiệt tốt nên được dùng để dệt vải may quần áo ấm.

(4): Trong quá trình sản xuất etanol từ tinh bột, xảy ra phản ứng thủy phân và lên men.

(5): Vải làm từ tơ nilon-6,6 bền trong môi trường axit nhưng kém bền trong môi trường bazơ.

Số phát biểu đúng là.

* 1. 3.
  2. 4.
  3. 5.
  4. 2.

1. [2020] Cho các phát biểu sau:

(1): Sản phẩm của phản ứng thủy phân saccarozơ được dùng trong kĩ thuật tráng gương.

(2): Fructozơ là monosaccarit duy nhất có trong mật ong.

(3): Vải làm từ tơ nilon-6,6 sẽ nhanh hỏng khi ngâm lâu trong nước xà phòng có tính kiềm.

(4): Dầu dừa và mỡ lợn đều có thành phần chính là chất béo.

(5): Một số este hòa tan tốt nhiều chất hữu cơ nên được dùng làm dung môi.

Số phát biểu đúng là

* 1. 2.
  2. 3.
  3. 5.
  4. 4.

1. [2022] Cho các phát biểu sau:

(1): Glucozơ bị khử bởi dung dịch AgNO3 trong NH3 khi đun nóng.

(2): Đồng trùng hợp buta-1,3-dien với acrilonitrin (xúc tác) thu được cao su buna-N.

(3): Có thể dùng dung dịch HCl để loại bỏ anilin dính trong ống nghiệm.

(4): Đun nóng tristearin trong dung dịch H2SO4 loãng sẽ xảy ra phản ứng thủy phân.

(5): Trùng hợp axit terephtalic với etylen glycol thu được poli(etylen terephtalat).

Số phát biểu đúng là

* 1. 3.
  2. 5.
  3. 2.
  4. 4.

1. [2021] Cho các phát biểu sau:

(1): Thành phần chính của sợi bông, sợi đay là tinh bột.

(2): Các mảng “riêu cua” xuất hiện khi nấu canh cua là do xảy ra sự đông tụ protein.

(3): Vải lụa tơ tằm sẽ nhanh hỏng nếu ngâm giặt trong xà phòng có tính kiềm.

(4): Dầu dừa có chứa chất béo chưa bão hòa (phân tử có gốc hidrocacbon không no).

(5): Quá trình chuyển hóa tinh bột trong cơ thể có xảy ra phản ứng thủy phân.

Số phát biểu đúng là

* 1. 3.
  2. 5.
  3. 2.
  4. 4.

1. [TK-2022] Cho các phát biểu sau:

(1): Tơ nitron thuộc loại tơ poliamit.

(2): Mỡ động vật, dầu thực vật tan nhiều trong benzen.

(3): Dung dịch lysin làm quỳ tím chuyển sang màu hồng.

(4): Poli(metyl metacrylat) được dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ.

(5): Tinh bột được tạo thành trong cây xanh nhờ quá trình quang hợp.

Số phát biểu đúng là

* 1. 2.
  2. 4.
  3. 3.
  4. 5.

1. [TK-2021] Cho các phát biểu sau:

(1): Ở điều kiện thường, glucozơ và alanin đều là chất rắn và dễ tan trong nước.

(2): Khi tham gia phản ứng tráng bạc, glucozơ bị khử thành amoni gluconat.

(3): Amilopectin trong tinh bột có cấu trúc mạch không phân nhánh.

(4): Thành phần chính của cồn 70o thường dùng trong y tế để sát trùng là metanol.

(5): Gạch cua nổi lên trên khi nấu riêu cua là hiện tượng đông tụ chất béo.

Số phát biểu đúng là

* 1. 3.
  2. 1.
  3. 2.
  4. 4.

1. [2023] Cho các phát biểu sau:

(1): Ala-Gly có phản ứng màu biure với Cu(OH)­2.

(2): Amino axit là loại hợp chất hữu cơ tạp chức.

(3): Axit 6-aminohexanoic là nguyên liệu để sản xuất tơ nilon-6.

(4): Thực hiện trùng ngưng các amino axit đều thu được peptit.

(5): Thành phần của bột ngọt (mì chính) chỉ gồm các nguyên tố C, H, Na và O.

Số phát biểu đúng là

* 1. 3.
  2. 2.
  3. 4.
  4. 1.

1. [2023] Cho các phát biểu sau:

(1): Axit glutamic có tính chất lưỡng tính.

(2): Trong phân tử protein luôn chứa liên kết peptit.

(3): Dung dịch lysin không làm chuyển màu quỳ tím.

(4): Bột ngọt (mì chính) là muối dinatri của axit glutamic.

(5): Ala-Gly-Gly có phản ứng màu biure với Cu(OH)2.

Số phát biểu đúng là

* 1. 3.
  2. 2.
  3. 4.
  4. 1.

1. [2018] Cho các phát biểu sau:

(1): Thủy phân triolein thu được etylen glycol.

(2): tinh bột bị thủy phân khi có xúc tác axit hoặc enzim.

(3): Thủy phân vinyl fomat thu được hai sản phẩm đều có phản ứng tráng bạc.

(4): Trùng ngưng axit ε-aminocaproic thu được policaproamit.

(5): Phenyl amin tan ít trong nước nhưng tan nhiều trong dung dịch HCl.

Số phát biểu đúng là

* 1. 3.
  2. 5.
  3. 2.
  4. 4.

1. [TK-2020] Cho các phát biểu sau:

(1): Thủy phân hoàn toàn xenlulozơ hay tinh bột đều thu được glucozơ.

(2): Thủy phân hoàn toàn các triglixerit luôn thu được glixerol.

(3): Tơ poliamit kém bền trong dung dịch axit và dung dịch kiềm.

(4): Muối mononatri glutamate được ứng dụng làm mì chính (bột ngọt).

(5): Saccarozơ có phản ứng tráng bạc.

Số phát biểu đúng là

* 1. 3.
  2. 5.
  3. 2.
  4. 4.

1. [TK-2019] Cho các phát biểu sau:

(1): Sau khi mổ cá, có thể dùng giấm ăn để giảm mùi tanh.

(2): Dầu thực vật và dầu nhớt bôi trơn máy đều có thành phần chính là chất béo.

(3): Cao su sau khi lưu hóa có tính đàn hồi và chịu nhiệt tốt hơn.

(4): Khi làm trứng muối (ngâm trứng trong dung dịch NaCl) có xảy ra hiện tượng đông tụ protein.

(5): Thành phần chính của bông nõn là xenlulozơ.

Số phát biểu đúng là

* 1. 3.
  2. 5.
  3. 2.
  4. 4.

1. [2018] Cho các phát biểu sau:

(1): Phản ứng thế brom vào vòng thơm của anilin dễ hơn benzen.

(2): Chỉ dùng quỳ tím có thể phân biệt được ba dung dịch: alanin, lysin và axit glutamic.

(3): Metyl amin có lực bazơ mạnh hơn amoniac.

(4): Hợp chất H2N-CH2-COO-CH3 tác dụng được với cả dung dịch NaOH và dung dịch HCl.

(5): Metyl metacrylat làm mất màu dung dịch brom.

Số phát biểu đúng là

* 1. 3.
  2. 5.
  3. 2.
  4. 4.

1. [2023] Poli(etylen terephtalat) *(viết tắt là PET)* là một polime được điều chế từ etylen gliccol và axit terephtalic. PET được sử dụng đẻ sản xuất tơ, chai đựng nước uống, hộp đựng thực phẩm. Để thuận lợi cho việc nhận biết, sử dụng và tái chế thì các đồ nhựa làm từ vật liệu chứa PET thường được in kí hiệu như hình bên. Cho các phát biểu sau:

(a) PET thuộc loại polieste.

(b) Tơ được chế tạo từ PET thuộc loại tơ nhân tạo.

(c) Trong mỗi mắt xíc PET, phần trăm khối lượng cacbon là 62,5%.

(d) Phản ứng tổng hợp PET từ axit terephtalic và etylen glycol thuộc loại phản ứng trùng hợp.

(e) 1 mol axit tetephtalic phản ứng với NaHCO3 dư sinh ra tối đa 1 mol CO2.

(f) Từ etilen điều chế trực tiếp được etylen glycol bằng một phản ứng duy nhất.

Số phát biểu đúng là

* 1. 2.
  2. 3.
  3. 4.
  4. 5.

1. [TK-2019] Tiến hành thí nghiệm điều chế etyl axetat theo các bước sau đây:

* Bước 1: cho 1 ml C2H5OH, 1 ml CH3COOH và vài giọt dung dịch H2SO4 đặc vào ống nghiệm.
* Bước 2: lắc đều ống nghiệm, đun cách thủy (trong nồi nước nóng) khoảng 5 phút ở 65o – 70oC.
* Bước 3: Làm lạnh, sau đó rót 2 ml dung dịch NaCl bão hòa vào ống nghiệm.

Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

* 1. H2SO4 đặc có vai trò vừa làm chất xúc tác, vừa làm tăng hiệu suất tạo sản phẩm.
  2. Mục đích chính của việc thêm dung dịch NaCl bão hòa là để tránh phân hủy sản phẩm.
  3. Sau bước 2, trong ống nghiệm vẫn còn cả C2H5OH và CH3COOH.
  4. Sau bước 3, chất lỏng trong ống nghiệm tách thành hai lớp.

1. [2019] Tiến hành các thí nghiệm theo các bước sau:

* Bước 1: Cho vào hai ống nghiệm, mỗi ống 2 ml etyl axetat.
* Bước 2: Thêm 2 ml dung dịch H2SO4 20% vào ống thứ nhất; 4 ml dung dịch NaOH 30% vào ống thứ hai.
* Bước 3: Lắc đều cả hai ống nghiệm, lắp ống sinh hàn, đun sôi nhẹ trong khoảng 5 phút, để nguội.

Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

* 1. Ống sinh hàn có tác dụng hạn chế sự thất thoát của các chất lỏng trong ống nghiệm.
  2. Sau bước 2, chất lỏng trong cả hai ống nghiệm đều tách lớp.
  3. Sau bước 3, trong cả 2 ống nghiệm đều chứa axit axetic và ancol etylic.
  4. Ở bước 3, có thể thay việc đun sôi nhẹ bằng đun cách thủy (ngâm trong nước nóng).

1. [2019] Tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

* Bước 1: Cho vào cốc thủy tinh chịu nhiệt khoảng 5 gam mỡ lợn và 10 ml dung dịch NaOH 40%.
* Bước 2: Đun sôi nhẹ hỗn hợp, liên tục khuấy đều bằng đũy thủy tinh khoảng 30 phút và thỉnh thoảng thêm nước cất để giữ cho thể tích hỗn hợp không đổi. Sau đó để nguội hỗn hợp.
* Bước 3: Rót thêm vào hỗn hợp 15 – 20 ml dung dịch NaCl bão hòa nóng, khuấy nhẹ. Để yên hỗn hợp.

Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

* 1. Sau bước 3 thấy có lớp chất rắn màu trắng nổi lên là glixerol.
  2. Vai trò của dung dịch NaCl bão hòa ở bước 3 là để tách muối natri của axit béo ra khỏi hỗn hợp.
  3. Ở bước 2, nếu không thêm nước cất, hỗn hợp bị cạn khô thì phản ứng thủy phân không xảy ra.
  4. Ở bước 1, thay mỡ lợn bằng dầu dừa thì hiện tượng thí nghiệm sau bước 3 vẫn xảy ra tương tự.

1. [2021] Tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

* Bước 1: Cho 5 giọt dung dịch CuSO4 0,5% vào ống nghiệm.
* Bước 2: Thêm tiếp 1 ml dung dịch NaOH 10% vào ống nghiệm, lắc đều rồi gạn phần dung dịch, giữ lại kết tủa.
* Bước 3: Thêm tiếp 2 ml dung dịch glucozơ 1% vào ống nghiệm, lắc đều.

Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

* 1. Sau bước 3, kết tủa đã bị hòa tan, thu được dung dịch màu xanh lam.
  2. Thí nghiệm trên chứng minh glucozơ có nhiều nhóm –OH ở vị trí kề nhau.
  3. Ở bước 3, nếu thay glucozơ bằng saccarozơ thì hiện tượng vẫn không đổi.
  4. Ở bước 3, glucozơ bị oxi hóa thành axit gluconic.

1. [2021] Tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

* Bước 1: Cho 1 ml dung dịch AgNO3 1% vào một ống nghiệm sạch.
* Bước 2: Thêm từ từ từng giọt dung dịch NH3 vào, lắc đều cho đến khi kết tủa tan hết.
* Bước 3: Thêm tiếp khoảng 1 ml dung dịch glucozơ 1% vào ống nghiệm, đun nóng nhẹ.

Phát biểu nào sau đây đúng?

* 1. Trong phản ứng ở bước 3, glucozơ đóng vai trò là chất oxi hóa.
  2. Thí nghiệm trên chứng minh glucozơ có tính chất của poliancol.
  3. Sản phẩm hữu cơ thu được sau bước 3 là amoni gluconat.
  4. Ở bước 3, nếu thay glucozơ bằng saccarozơ thì hiện tượng vẫn không đổi.

**TOÁN CƠ BẢN** (Cho: H=1, C=12, N=14, O=16, Na=23, K=39, Ag=108)

1. Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam CH3COOC2H5 trong dung dịch KOH dư thu được m gam muối. Giá trị của m là
2. Thủy phân hoàn toàn 3,7 gam HCOOC2H5 trong dung dịch KOH dư thu được m gam ancol. Giá trị của m là
3. Thủy phân hoàn toàn m gam HCOOCH3 trong dung dịch NaOH dư thu được 2,04 gam muối. Giá trị của m là
4. Đốt cháy hoàn toàn 4,4 gam C2H5COOCH3 thu được V lít (đktc) khí CO2. Giá trị của V là
5. Đốt cháy hoàn toàn 3,33 gam CH3COOCH3 thu được m gam H2O. Giá trị của m là
6. Đốt cháy hoàn toàn m gam CH3COOC2H5 thu được 2,24 lít (đktc) khí CO2. Giá trị của m là
7. Cho 100 ml dung dịch glucozơ 0,1M phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch AgNO3 trong NH3 thu được m gam Ag. Giá trị của m là
8. Cho 150 ml dung dịch glucozơ 0,2M phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch AgNO3 trong NH3 thu được m gam Ag. Giá trị của m là
9. Cho 400 ml dung dịch glucozơ phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch AgNO3 trong NH3 thu được 21,6 gam Ag. Nồng độ mol của dung dịch glucozơ đã dùng là
10. Thủy phân m gam saccarozơ trong dung dịch H2SO4 loãng thu được 18,0 gam glucozơ. Biết hiệu suất là 80%. Giá trị của m là
11. Thủy phân m gam saccarozơ trong dung dịch H2SO4 loãng thu được 5,40 gam glucozơ. Biết hiệu suất là 75%. Giá trị của m là
12. Thủy phân 10,26 gam saccarozơ trong dung dịch H2SO4 loãng thu được m gam glucozơ. Biết hiệu suất là 85%. Giá trị của m là
13. Cho 0,90 gam C2H5NH2 phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch HCl thu được m gam muối. Giá trị của m là
14. Cho 1,24 gam CH3NH2 phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch HCl thu được m gam muối. Giá trị của m là
15. Cho m gam C6H5NH2 phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch HCl thu được 7,77 gam muối. Giá trị của m là
16. Cho 2,67 gam alanin phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch NaOH thu được m gam muối. Giá trị của m là
17. Cho 3,75 gam glyxin phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch KOH thu được m gam muối. Giá trị của m là
18. Cho m gam glyxin phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch KOH thu được 4,52 gam muối. Giá trị của m là

**HẾT**